

# THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN ẢNH HƯỞNG TÍNH TỰ GIÁC TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân<sup>1</sup>; ThS. Nguyễn Anh Quân<sup>2</sup>

**Tóm tắt:** Bằng các bước nghiên cứu cần thiết, tiến hành đánh giá thực trạng nhận thức đối với môn học của sinh viên; thái độ, biểu hiện của sinh viên trong quá trình học; thực trạng kết quả học tập. Trên cơ sở đó xác định nguyên nhân ảnh hưởng thực trạng tính tự giác tích cực học tập môn nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

**Từ khóa:** Thực trạng, tự giác tích cực, nghiên cứu khoa học, sinh viên, Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.

**Summary:** Through necessary research steps, an evaluation of students' awareness regarding the subject, their attitudes and behaviors during the learning process, and the current state of their academic performance was conducted. Based on this, the causes affecting the self-motivation and active learning of the scientific research subject among students at Bac Ninh University of Sports and Physical Education were identified.

**Keywords:** Current state, self-motivation, active learning, scientific research, students, Bac Ninh University of Sports and Physical Education.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền giáo dục hiện nay, với mục tiêu dạy học lấy người học làm trung tâm, tính tự giác tích cực có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả học tập của người học. Tích cực hoá hoạt động học tập của người học là một hướng đổi mới đã được đông đảo các nhà nghiên cứu, nhà lý luận và các thầy cô giáo quan tâm và bàn tới ở nhiều khía cạnh khác nhau.

Mặt tự phát của tính tích cực là những yếu tố tiềm ẩn, bẩm sinh thể hiện ở tính tò mò, hiếu kỳ, hiếu động, linh hoạt và sôi nổi trong các mức độ khác nhau mà mọi sinh viên (SV) đều có. Mặt tự giác của tính tích cực là trạng thái tâm lý tính tích cực có mục đích và đối tượng rõ rệt. Tính tích cực tự giác thể hiện ở óc quan sát, tính phê phán trong tư duy, trí tò mò khoa học, ... Tính tích cực nhận thức phụ thuộc vào những nhân tố sau đây: Hứng thú; Nhu cầu; Động cơ; Năng lực; Ý chí; Sức khỏe và môi trường.

Với mục đích lấy người học làm trung tâm, môn học Nghiên cứu khoa học (NCKH) đã có nhiều sự thay đổi về nội dung chương trình và đổi mới phương pháp giảng dạy của giáo viên. Kết quả bước đầu tại trường Đại học Thể dục thể thao (TĐTT) Bắc Ninh cho thấy có hiệu quả qua điểm thi kết thúc môn học, song chưa toàn diện bởi tỷ lệ SV chủ động lĩnh hội kiến thức chưa cao ở các giờ lên lớp.

Mặt khác, qua thực tiễn giảng dạy cho thấy, SV chưa có thái độ tự giác tích cực đối với môn học. Điều này thể hiện ở chỗ: trong quá trình lên lớp luôn lĩnh hội kiến thức bị động, không chuẩn bị nội dung bài học khi lên lớp, không hoàn thành những nhiệm vụ học tập được giao, lười đọc tài liệu môn học, ít hăng hái tham gia vào mọi hình thức hoạt động học tập, khả năng ghi nhớ kém và tốc độ học tập chậm, ít có hứng thú trong học tập, quyết tâm và ý chí vượt khó không cao, khả năng sáng tạo trong học tập hạn chế... Vì vậy, kết quả học tập môn học NCKH của SV các khoá xếp loại khá - giỏi rất thấp.

Do đó việc tìm hiểu thực trạng và nguyên nhân ảnh hưởng đến tính tự giác tích cực học tập môn NCKH cho SV trường Đại học TĐTT Bắc Ninh là vô cùng cấp thiết.

## 2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 2.1. Thực trạng nhận thức đối với môn học NCKH của SV trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

Nhận thức đúng và đầy đủ về môn học có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo nên hứng thú và ý thức tự giác tích cực học tập của SV, giúp họ lĩnh hội trọn vẹn và sáng tạo với kiến thức đã học. Vì vậy, để điều tra thực trạng tính tự giác tích cực học tập môn NCKH của SV Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, trước tiên chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi trên SV các Khoa của khoá đại học 52 (đối tượng đã học xong môn học) nhằm tìm hiểu

nhận thức đối với môn học. Kết quả được trình bày trong bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy, chỉ có 25.56% SV nhận thức được tầm quan trọng của môn học, hơn nửa số đó cho rằng ít quan trọng (56.11%) và vẫn còn tồn tại số SV cho rằng môn học không quan trọng (18.33%). Chính vì vậy, 58.33% SV nhận thấy kết quả môn học ít có ý nghĩa, nhất là trong thực tiễn khi ra trường và công tác (55.56%).

Tỷ lệ SV xác định mục đích học tập vì bắt buộc chiếm tỷ lệ khá cao 55%, vì điểm cao là 33.33%, còn học tập vì nâng cao trình độ chiếm tỷ lệ thấp 11.67%. SV học vì bắt buộc thì việc học tập của họ chỉ dựa vào những nguyên tắc bên ngoài của mục đích thực sự và là người có cách tiếp cận học nông.

Tuy nhiên, có đến 71.67% SV cho rằng đây là

môn học thú vị, điều này chứng tỏ trong quá trình giảng dạy, giáo viên đã biết cách lôi cuốn hứng thú của SV và ít nhiều SV đã tiếp thu được kiến thức môn học. Vì vậy, tỷ lệ SV nắm vững kiến thức cơ bản về công tác NCKH nói chung và NCKH TDTT cao là 72.22%. Chỉ có 11.11% SV cho rằng đây là môn học không thú vị. Tuy tỷ lệ này thấp nhưng cho thấy còn có những SV chưa hứng thú đối với môn học. Vì vậy giáo viên cần nỗ lực hơn nữa để tạo hứng thú cho SV, từ đó kích thích tính tự giác tích cực trong học tập của các em.

Kết quả phỏng vấn đã chứng minh SV không nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học.

## 2.2. Thực trạng về thái độ, biểu hiện của SV trong quá trình học tập môn NCKH của SV trường Đại

**Bảng 1. Nhận thức của SV khóa Đại học 52 đối với môn học NCKH (n=180)**

TT	Câu hỏi và phương án trả lời	SL (SV)	Tỷ lệ (%)
1	<b>Em thấy môn học này có quan trọng không?</b>		
	Quan trọng	46	25.56
	Ít quan trọng	101	56.11
	Không quan trọng	33	18.33
2	<b>Môn học NCKH là:</b>		
	Là môn học thú vị	129	71.67
	Là môn học bình thường như các môn học khác	31	17.22
	Là môn học không thú vị	20	11.11
3	<b>Em học môn này vì mục đích gì</b>		
	Điểm cao	60	33.33
	Nâng cao trình độ	21	11.67
	Bắt buộc vì phải học qua môn học	99	55
4	<b>Kiến thức em tiếp thu được ở môn học này là:</b>		
	Kiến thức quan trọng, rất có ý nghĩa	72	40
	Kiến thức bình thường, ít có ý nghĩa	108	60
	Kiến thức không có ý nghĩa gì	0	0
5	<b>Môn học có giúp em nắm vững kiến thức cơ bản về công tác NCKH nói chung và NCKH TDTT nói riêng không?</b>		
	Rất nhiều	130	72.22
	Bình thường	50	27.78
	Không	0	0
6	<b>Kết quả môn học này có ý nghĩa gì với em không?</b>		
	Rất có ý nghĩa	68	37.78
	Bình thường	105	58.33
	Không có ý nghĩa gì	7	3.89
7	<b>Em thấy môn học có ý nghĩa thực tiễn khi ra trường và công tác không?</b>		
	Rất có ý nghĩa	57	31.67
	Bình thường	100	55.56
	Không có ý nghĩa gì	23	12.78

**Bảng 2. Thực trạng thái độ và biểu hiện của SV trường đại học TDTT Bắc Ninh trong giờ học chính khoá và trong quá trình tự học môn NCKH (n=150)**

TT	Câu hỏi	Trả lời	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Trong giờ học môn NCKH, em có chú ý nghe giảng không?	Thường xuyên	140	93.33
		Thỉnh thoảng	10	6.67
		Không bao giờ	0	0.00
2	Em có chủ động hỏi thầy cô những vấn đề chưa hiểu không?	Thường xuyên	37	24.67
		Thỉnh thoảng	97	64.67
		Không bao giờ	16	10.67
3	Em có phát biểu ý kiến không?	Thường xuyên	11	7.33
		Thỉnh thoảng	47	31.33
		Không bao giờ	92	61.33
4	Em có Ghi chép bài đầy đủ không?	Thường xuyên	119	79.33
		Thỉnh thoảng	31	20.67
		Không bao giờ	0	0.00
5	Em có làm bài tập về nhà do GV giao không	Thường xuyên	21	14.00
		Thỉnh thoảng	47	31.33
		Không bao giờ	82	54.67
6	Em có hay làm việc riêng trong giờ học	Thường xuyên	3	2.00
		Thỉnh thoảng	32	21.33
		Không bao giờ	115	76.67
7	Em có tham gia tranh luận với các bạn để làm sang tỏ vấn đề liên quan đến bài học môn học không?	Thường xuyên	4	2.67
		Thỉnh thoảng	22	14.67
		Không bao giờ	124	82.67
8	Em có ôn bài sau khi đi học về không?	Thường xuyên	2	1.33
		Thỉnh thoảng	29	19.33
		Không bao giờ	119	79.33
9	Em có học bài trước khi lên lớp không	Thường xuyên	6	4.00
		Thỉnh thoảng	10	6.67
		Không bao giờ	134	89.33
10	Em thường học môn NCKH vào thời điểm nào	Trong ngày, sau khi học trên lớp về	9	6
		Trước khi thi vài hôm	98	65.33
		Trước khi thi một vài tuần	38	25.33
		Vào thời điểm khác	5	3.33
11	Em có tìm và đọc tài liệu tham khảo để bổ sung kiến thức cho môn học này không?	Thường xuyên	0	0
		Thỉnh thoảng	7	4.67
		Không bao giờ	143	95.33
12	So với các môn học lý thuyết khác, em đầu tư vào môn học này như thế nào?	Nhiều hơn	18	12
		Ít hơn	27	18
		Bằng nhau	105	70
13	Nếu giáo viên thường xuyên kiểm tra bài thì em có ôn bài cũ không	Không	24	16
		Thỉnh thoảng	112	74.67
		Thường xuyên	14	9.33
14	Em có dành nhiều thời gian tự học bài cho môn học này như thế nào	Nhiều	10	6.67
		Ít	51	34
		Bình thường	89	59.33

### học TDDT Bắc Ninh

Thực tiễn giảng dạy cho thấy thái độ, biểu hiện trong quá trình học tập cũng là một trong những tiêu chí để đánh giá tính tự giác tích cực học tập của SV. Để làm được điều này, chúng tôi cũng đã tiến hành phỏng vấn các em khóa 52 về thái độ và biểu hiện của các em trong giờ học chính khoá và trong quá trình tự học, kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy, hầu hết SV được hỏi đều thường xuyên chú ý lắng nghe giáo viên giảng bài trong giờ học NCKH (93.33%) và ghi chép bài đầy đủ (79.33%), số lượng SV không làm việc riêng trong giờ cũng chiếm tỷ lệ cao (76.67%). Điều này chứng tỏ giáo viên giảng dạy trong môn học này nghiêm khắc và quản lý lớp học tương đối tốt. Ngoài ra, giáo viên thường xuyên hỏi SV những kiến thức liên quan nội dung bài giảng vì vậy bắt buộc SV phải chú ý nghe giảng mới có thể trả lời được.

Tuy nhiên chỉ có một số ít SV thường xuyên hỏi thầy cô về những vấn đề chưa hiểu (24.67%), số SV cho rằng mình không bao giờ chủ động phát biểu ý kiến xây dựng bài chiếm tới 61.33%, gần như không có SV nào hỏi thầy cô giáo về những vấn đề chưa hiểu (10.67%) và tham gia tranh luận để làm sáng tỏ vấn đề đang học (82.67%). Kết quả này cho thấy SV không chủ động tiếp thu kiến thức được trang bị. Thái độ học tập thụ động cũng được thể hiện rõ rệt thông qua kết quả phỏng vấn về cách thức và thời gian tự học: Hầu hết SV đều cho rằng mình ít khi ôn bài cũ và đọc trước bài mới trước khi đến lớp, với một khối lượng kiến thức tương đối lớn mà hầu hết các em chỉ học bài trước khi thi một vài hôm để đối phó với kỳ thi (65.33%).

Bên cạnh đó, thực tế cho thấy để học tốt môn NCKH đòi hỏi SV không chỉ nắm vững kiến thức đã học mà còn cần đọc và tham khảo tài liệu liên quan nhưng tất cả SV đều không bao giờ tham khảo các tài liệu khác liên quan để bổ sung kiến thức cho môn học (95.33%). Bên cạnh đó, nhiều SV không bao giờ ôn bài sau khi học về (79.33%) và cũng không học bài trước khi lên lớp (89.33%). Chính vì vậy, SV sẽ không nhớ được kiến thức đã học và hoàn toàn bị động tiếp thu kiến thức của các bài tiếp theo. Đây cũng có thể là một phần nguyên nhân làm giảm mức độ hứng thú với môn học của SV, từ đó các em không ý thức tự giác tích cực trong học tập.

Khi được hỏi về thời lượng tự học môn NCKH của SV so với các môn học khác như thế nào, hầu hết SV đều nói rằng họ đầu tư thời gian như nhau chứng tỏ SV không chỉ ít học môn này mà các môn học lý thuyết khác cũng vậy. Điều này có thể do đặc thù SV trường năng khiếu nên học và tập thêm các môn thực hành chiếm gần hết thời gian tự học của SV, mặt khác sau khi tập luyện vất vả các em thường có xu hướng muốn nghỉ ngơi. Vì vậy, thời gian tự học các môn lý thuyết của các em đều ít.

Nhằm đánh giá khách quan hơn, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các giáo viên dạy môn NCKH về biểu hiện của SV trong giờ học. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng ở bảng 3.

Kết quả từ bảng 3 cho thấy: Số ít giáo viên đánh giá về những biểu hiện tốt của SV trong quá trình học (1/3 GV chiếm tỷ lệ 33.33%), còn lại 2/3 giáo viên đánh giá SV thờ ơ với môn học và không tích cực tham gia hoạt động thảo luận nhóm (66.67%). Điều đáng quan tâm là không có giáo viên nào thấy SV đòi hỏi giáo viên giải thích cặn kẽ những vấn đề

**Bảng 3. Đánh giá của giáo viên về biểu hiện trong học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDDT Bắc Ninh (n=3)**

TT	Các biểu hiện	GV (n=4)	Tỷ lệ (%)
1	Đòi hỏi giáo viên giải thích cặn kẽ những vấn đề giáo viên trình bày	0	0
2	Không tích cực tham gia hoạt động thảo luận nhóm	2	66.67
3	Tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài, tham gia tranh luận với các bạn để làm sáng tỏ vấn đề liên quan đến bài học môn học	1	25
4	Thờ ơ với với môn học	2	66.67
5	Chủ động hỏi thầy cô những vấn đề chưa hiểu	1	33.33
6	Học bài trước khi đến lớp	1	33.33
7	Tranh luận với giáo viên khi có quan điểm khác với quan điểm giáo viên đưa ra	0	0
8	Tìm những ví dụ cụ thể để làm rõ nội dung đã học	1	33.33
9	Hoàn thành bài tập được giao	1	33.33
10	Tìm và đọc tất cả tài liệu do giáo viên môn học hướng dẫn.	0	0

giáo viên trình bày, tìm và đọc tất cả tài liệu do giáo viên môn học hướng dẫn, tranh luận với giáo viên khi có quan điểm khác với quan điểm giáo viên đưa ra. Vì vậy, kiến thức các em nắm được cơ bản nhưng chưa sâu và khả năng ứng dụng trong thực tiễn nghiên cứu là chưa có. Kết quả này phù hợp với kết quả điều tra SV ở trên.

### 2.3 Các nguyên nhân dẫn tới thực trạng tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy từ nhận thức, thái độ và biểu hiện của SV với môn học NCKH chưa tốt, do đó tính tự giác tích cực học tập không cao làm ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như khả năng ứng dụng kiến thức trong thực tiễn NCKH. Vì vậy, đề tài nghiên cứu tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng trên. Qua phân tích vấn đề và phỏng vấn trực tiếp các giảng viên hiện đang công

tác tại trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đề tài đã đưa ra được 17 các nguyên nhân, sau đó tiến hành phỏng vấn 150 SV khóa đại học 53. Kết quả thu được trình bày ở bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Với các nguyên nhân đưa ra phỏng vấn đã có 11/22 nguyên nhân được coi là những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng thái độ tự giác tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh với số phiếu tán thành từ 60% trở lên, đó là:

- *Mệt mỏi, buồn ngủ khi học*
- *Không tin vào bản thân do học kém*
- *Nghiện game, internet quán xá*
- *Thờ ơ với môn học*
- *Chưa nhận thức được ý nghĩa, vị trí của môn học*
- *Không có nhu cầu tìm hiểu sâu kiến thức*
- *Không có thói quen tự đọc sách*

**Bảng 4. Nguyên nhân thực trạng tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh (n=150)**

TT	Nguyên nhân	Đồng ý		Không đồng ý	
		n	%	n	%
1	Mệt mỏi, buồn ngủ khi học	130	86.67	20	13.33
2	Nội dung môn học hấp dẫn, đa dạng	8	5.33	142	94.67
3	Môn học ít hữu ích cho bản thân và nghề nghiệp	2	1.33	148	98.67
4	Chất lượng giáo viên giảng dạy thấp	0	0.00	150	100.00
5	Không tin vào bản thân do học kém	102	68.00	48	32.00
6	Nghiện game, internet quán xá	114	76.00	36	24
7	Thờ ơ với môn học	143	95.33	7	4.67
8	Thói quen vận động lười biếng	108	72.00	42	28
9	Chưa nhận thức được ý nghĩa, vị trí của môn học	98	65.33	52	34.67
10	Giảng viên đánh giá chưa công bằng, hình thức khen phạt chưa phù hợp	43	28.67	107	71.33
11	Không có nhu cầu tìm hiểu sâu kiến thức	96	64.00	54	36.00
12	Giảng viên chưa vui vẻ, giảng dạy không nhiệt tình	19	12.67	131	87.33
13	Không có thói quen đọc sách	109	72.67	41	27.33
14	Không có phong trào tự học	103	68.67	47	31.33
15	Không bị sức ép phải học	145	96.67	5	3.33
16	Giảng viên chưa biết kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy để tạo hứng thú, tích cực học tập cho SV.	9	6.00	141	94.00
17	Không có tài liệu học tập	31	20.67	119	79.33
18	Trang thiết bị phục vụ học tập chưa tốt	66	44.00	84	56.00
19	Không có địa điểm học tập thuận lợi	47	31.33	103	68.67
20	Không có phương pháp học phù hợp với bản thân	129	86.00	21	14.00
21	Yêu cầu của giáo viên quá thấp	21	14.00	129	86.00
22	Yêu cầu của giáo viên quá cao	31	20.67	119	79.33

**Bảng 5. Xếp loại kết quả học tập môn NCKH của SV trường ĐH TDTT Bắc Ninh trong 02 năm học**

Đối tượng	Kết quả xếp loại (điểm)									
	Giỏi (9-8đ)		Khá (7đ)		Trung bình (6-5đ)		Yếu (4-3đ)		Kém (<3đ)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đại học 51 (n=286)	62	21.68	72	25.17	96	33.57	31	10.84	25	8.74
Đại học 52 (n= 212)	52	24.53	64	30.19	68	32.08	18	8.49	10	4.72

- Không bị sức ép phải học
- Thói quen vận động lười ỉn
- Không có phong trào tự học
- Không có phương pháp học phù hợp với bản thân

Như vậy có thể thấy nguyên nhân chính là do đặc thù của SV trường TDTT Bắc Ninh, các em thường xuyên tập luyện các môn thể thao, vận động tay chân nên dẫn đến các thói quen lười học các môn lý thuyết. Từ những nguyên nhân trên đã đặt ra cho đề tài một vấn đề đó là làm sao lựa chọn biện pháp khắc phục được các nguyên nhân trên nhằm nâng cao được thái độ tự giác tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Từ những nghiên cứu trên đã chứng minh SV trường đại học TDTT Bắc Ninh chưa tự giác tích cực học tập môn học NCKH. Điều này có ảnh hưởng đến kết quả học tập của các em hay không, để làm rõ vấn đề này, chúng tôi tiến hành đánh giá kết quả học tập qua điểm môn NCKH của cả 2 khóa đại học 52 và 53. Kết quả tổng hợp được trình bày ở bảng 5.

Qua bảng 5 cho thấy: Kết quả học tập của SV khóa ĐH 52 và 53 tuy có sự biến đổi theo xu hướng tốt dần lên nhưng không đáng kể, tỷ lệ xếp loại theo 5 mức tương đương nhau. Tỷ lệ SV xếp loại giỏi tăng không nhiều chỉ chiếm từ 21.68% - 24.53%. Bên cạnh đó số lượng SV đạt mức trung bình chiếm tỉ lệ cao từ 32.08 – 33.57%. Số SV ở mức yếu - kém giảm (8.74-4.72%). Tuy đây là kết quả thi lần 1 đã đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu đặt ra của các môn lý thuyết trong Nhà trường, song không phải kết quả tốt với yêu cầu về chất lượng học tập hiện nay.

Thực trạng kết quả học tập trên của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho thấy các em chưa nhận thức một cách sâu sắc và đầy đủ tầm quan trọng của môn học NCKH, về phương pháp nghiên cứu cơ bản, hay những vấn đề mà trong thực tiễn sau này SV sẽ phải làm trong quá trình công tác và học tập nâng cao trình độ. Do đó, các em chưa có thái độ tự

giác tích cực học tập. Điều này làm ảnh hưởng đến kết quả học tập của môn học nói riêng và chất lượng giáo dục của nhà trường nói chung.

### 3. KẾT LUẬN

Nhận thức của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh về vị trí, vai trò của môn học NCKH chưa đầy đủ, do đó thái độ và biểu hiện của các em trong giờ học chưa tốt. Vì vậy SV chưa tự giác tích cực trong giờ học chính khóa cũng như quá trình tự học. Ngoài ra, kết quả học tập của SV trường đại học TDTT Bắc Ninh trong môn NCKH chưa cao, đều ở mức trung bình là chủ yếu trên cả hai khóa. Trên cơ sở đó, tiến hành nghiên cứu xác định được 11/22 nguyên nhân ảnh hưởng đến tính tự giác tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Bảo (1996), *Phát triển tích cực tự lực của học sinh trong quá trình dạy học*, Vụ Giáo dục - Bộ GD và ĐT, Hà Nội.

2. Lê Khánh Bằng (2001), *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở bậc đại học*, Đại học Sư phạm Hà Nội.

3. Ngô Doãn Đãi (2001), *Làm thế nào để phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của SV trong học tập*, Hội thảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn quốc lần thứ II, Hà Nội.

4. Đào Quốc Trí, *Một số biện pháp tổ chức quá trình học tập nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của SV các trường kỹ thuật quân sự*, Luận án tiến sĩ giáo dục học

5. Nguyễn Đức Văn (2008), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

**Nguồn bài báo:** được trích từ đề tài Khoa học công nghệ cấp cơ sở: “Nghiên cứu biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn NCKH của SV trường Đại học TDTT Bắc Ninh”, 2019.

**Ngày nhận bài:** 9/2/2024; **Ngày duyệt đăng:** 10/4/2024